

Số: 91/ĐT-BVVĐ

Phú Thọ, ngày 24 tháng 6 năm 2024

## BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là  
cơ sở hướng dẫn thực hành**

**Kính gửi: - Bộ Y tế;  
- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế.**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT ĐỨC**

Số giấy phép hoạt động số: 314/BYT-GPHĐ, Bộ Y tế cấp ngày 22/12/2021.

Địa chỉ: Đường Phù đồng - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS. Hoàng Công Lâm.

Điện thoại liên hệ: 0210366678 Email: bvdvietduc@gmail.com

Căn cứ Nghị định số: 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng thực hành:

- Bác sĩ;
- Điều dưỡng;
- Hộ sinh;
- Kỹ thuật viên y (Kỹ thuật hình ảnh Y học; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Kỹ thuật viên PHCN; Kỹ thuật phục hình răng; Kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa);
- Y sỹ.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01).

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Chi tiết theo Phụ lục số 02).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 75 người (Chi tiết theo Phụ lục số 03).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: (Chi tiết theo Phụ lục số 03).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:

- Các Phụ lục: 01;02;03.

- Phụ lục 04: Danh mục Tài liệu Hướng dẫn thực hành các chức danh: Bác sĩ; Điều dưỡng, Hộ sinh; Kỹ thuật viên y (Kỹ thuật hình ảnh Y học; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Kỹ thuật viên PHCN), Y sĩ.

Kính đề nghị Bộ Y tế xem xét và công bố thông tin theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: TT QLCL - Đào tạo; P. KHTH (H).



**TS. BS. Hoàng Công Lâm**

**KẾ HOẠCH**  
**ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM, CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP**  
**HÀNH NGHỀ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT ĐỨC**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành về hướng dẫn luật khám bệnh, chữa bệnh

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 314/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 21/11/2021 đối với Bệnh viện đa khoa Việt Đức;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Y khoa Việt Đức, Bệnh viện đa khoa Việt Đức.

Để thực hiện đúng các nội dung về đào tạo hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo quy định, Bệnh viện đa khoa Việt Đức lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp giấy phép hành nghề, cụ thể như sau:

**II. Mục tiêu khoá học**

Học viên sau thời gian thực hành tại Bệnh viện có kiến thức về Luật Khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện thành thạo các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh; có kỹ năng, thái độ tốt; đủ năng lực, đáp ứng thực hiện các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi đăng ký thực hành theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 về hướng dẫn luật khám bệnh, chữa bệnh cho Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành; chủ động trong thực hành điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, hiệu quả tại các cơ sở y tế.

**III. PHẠM VI, THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG****1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

- **Đối tượng:** Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe, chưa trải qua thời gian thực hành, có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

- **Yêu cầu đầu vào:** Người có văn bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời của các trường khối ngành sức khỏe (có xác nhận của trường đại học).

**2. Thời gian, kinh phí thực hiện**

STT	Chức danh	Thời gian thực hành	Chi phí hướng dẫn thực hành
1	- Bác sỹ Y khoa;	12 tháng	6.000.000 đ/khóa

	- Bác sỹ chuyên khoa (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Phục hồi chức năng, Mắt, Tai Mũi Họng)		
2	- Y sỹ đa khoa - Y sỹ YHCT	09 tháng	4.500.000 đ/khóa
3	- Điều dưỡng	06 tháng	3.000.000 đ/khóa
4	- Hộ sinh	06 tháng	3.000.000 đ/khóa
5	- Kỹ thuật Y (Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Hình ảnh y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng, Kỹ thuật phục hình răng; Kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa)	06 tháng	3.000.000 đ/khóa

#### IV. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

**1. Nội dung về kiến thức pháp luật khám bệnh, chữa bệnh; quy tắc hành nghề, văn hoá ứng xử người hành nghề áp dụng cho tất cả các đối tượng thực hành để cấp giấy phép hành nghề (là nội dung bắt buộc, được áp dụng với tất cả các chức danh, lồng ghép vào các buổi thực hành tại khoa)**

STT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
<b>1</b>	<b>Kiến thức pháp luật khám bệnh, chữa bệnh</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu tổ chức, quy định Bệnh viện; văn hoá, sứ mệnh, tầm nhìn của Bệnh viện đa khoa Việt Đức.</li> <li>- Tổng quan chương trình thực hành, phương pháp học thực hành lâm sàng đối với các đối tượng đăng ký thực hành hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luật khám bệnh, chữa bệnh (Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023).</li> <li>+ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ.</li> <li>+ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.</li> </ul> </li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế chuyên môn: Quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án, quy chế sử dụng thuốc, quy chế hội chẩn, quy chế kê đơn thuốc trong</li> </ul>

	điều trị ngoại trú và nội trú, quy chế an toàn vào viện, chuyên khoa, chuyên viện, ...
	- Quy định về Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại (bảo hiểm nhân thọ)
	- Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện. - An toàn người bệnh. - Quản lý sự cố y khoa trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
<b>2</b>	<b>Các kỹ năng cơ bản trong khám bệnh, chữa bệnh</b>
	- Kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp. - Văn hoá ứng xử trong thực hành chăm sóc sức khoẻ.

## **2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ**

### **2.1. Đối tượng đăng ký**

- Bác sỹ có một trong các văn bằng được quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

### **2.2. Thời gian và địa điểm thực hành**

Người thực hành phải thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng thuộc Bệnh viện đa khoa Việt Đức, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu (bắt buộc) tại khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng.

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh các khoa lâm sàng: 09 tháng.

(1) Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng.

(2) Khoa Ngoại tổng hợp: 02 tháng.

(3) Khoa Phụ sản: 02 tháng.

(4) Khoa Nhi: 02 tháng.

(5) Khoa Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt: 01 tháng.

### **2.3. Nội dung thực hành**

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực thực hành</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Hồi sức cấp cứu	- Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu:	03 tháng bắt buộc đầu tiên

		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân loại bệnh: Nhận biết các dấu hiệu nặng, lọc bệnh cấp cứu.</li> <li>2. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí bệnh: Suy hô hấp cấp, sốc giảm thể tích máu, sốc tim, sốc nhiễm khuẩn, rối loạn nước và điện giải, các rối loạn thăng bằng kiềm toan, tăng áp lực nội sọ, hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường.</li> <li>3. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: Suy gan cấp, viêm tụy cấp nặng, Suy thận cấp.</li> <li>4. Cấp cứu ngoại khoa: chấn thương, bụng ngoại khoa.</li> <li>5. Thực hành các chế độ cơ bản trong thông khí hỗ trợ, kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản, kỹ thuật đặt nội khí quản, chọc hút dịch, khí màng phổi cấp cứu, đặt catheter tĩnh mạch trung tâm dưới siêu âm.</li> </ol> <p>- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục I (Hồi sức cấp cứu và chống độc) phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	
2	Nội khoa	<p>- Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh Nội tim mạch: Tăng huyết áp, suy tim, hội chứng mạch vành cấp.</li> <li>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh Nội tiêu hoá: Xơ gan, Xuất huyết tiêu hoá do loét dạ dày, tá tràng, xuất huyết</li> </ol>	02 tháng

		<p>tiêu hoá dưới, viêm dạ dày HP, tiêu chảy cấp, trào ngược dạ dày - thực quản.</p> <p>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh Nội hô hấp: Viêm phổi bệnh viện, Chẩn đoán và điều trị đợt cấp COPD.</p> <p>4. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội thần kinh: Động kinh; Viêm màng não mù; Đợt quy thiếu máu não; Đợt quy xuất huyết não tự phát.</p> <p>5. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiết thận: Đái tháo đường; Basedow, Suy giáp; Hội chứng thận hư; Các phương pháp điều trị thay thế bệnh thận.</p> <p>- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục II (Nội Khoa) phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	
3	Ngoại khoa	<p>Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.</p> <p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại tổng quát; hiểu biết một số vấn đề về bệnh lý ung thư và phác đồ điều trị.</p> <p>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Chấn thương chỉnh hình: Xử trí vết thương phần mềm các cơ quan vận động, Nắn - bó bột, Chẩn đoán, điều trị các loại gãy xương, bệnh lý gân cơ đơn giản, chấn thương hai xương cẳng chân</p>	02 tháng

		<p>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại thần kinh: chấn thương sọ não kín, chấn thương cột sống.</p> <p>4. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại tiết niệu: Sinh lý bệnh, chẩn đoán và điều trị sỏi thận tiết niệu, Chẩn đoán và điều trị bướu tiền liệt tuyến, Nhiễm khuẩn đường tiết niệu và cấp cứu niệu khoa, tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>5. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại tiêu hóa: Viêm ruột thừa cấp, thủng ổ loét dạ dày tá tràng, thoát vị bẹn, trĩ.</p> <p>- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục IX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p>	
4	Sản phụ khoa	<p>Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.</p> <p>- Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Sản phụ khoa: Theo dõi chuyên dạ; Quản lý thai kỳ - quy trình khám thai 9 bước; khám thai - đăng ký và quản lý thai nghén, cơ chế đẻ ngôi chỏm kiểu thể chậm chạp trái trước, tiền sản giật, mổ lấy thai, hậu sản thường, chữa ngoài tử cung, rau tiền đạo, vỡ tử cung, chảy máu sau đẻ, rong kinh rong huyết; sảy thai, viêm sinh dục.</p> <p>- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	02 tháng



5	Nhi khoa	<p>Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Viêm phổi cộng đồng, tiêu chảy cấp, viêm loét dạ dày tá tràng, viêm tiểu phế quản phổi, hen phế quản, bệnh tay chân miệng.</li> <li>2. Khám, đánh giá và phân loại trẻ sơ sinh; vàng da sơ sinh; vàng da do tăng Bilirubin tự do, sơ sinh non tháng; nhiễm trùng sơ sinh; suy hô hấp cấp ở trẻ sơ sinh, viêm tai giữa.</li> </ol> <p>Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	02 tháng
6	Phục hồi chức năng	<p>Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng.</p> <p>- Điều trị và chăm sóc bệnh nhân: các kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng âm ngữ trị liệu; phục hồi chức năng liệt nửa người sau tai biến chấn thương sọ não; phục hồi chức năng cổ chân sau chấn thương; điều trị bằng dòng điện xung; bằng laser công suất thấp; bằng sóng xung kích (Shockwave Therapy); phục hồi chức năng nói ngọng, nói lắp và thất ngôn; phục hồi chức năng vận động, đi lại</p> <p>- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục IX, Mục XV về Phục hồi chức năng tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	0,5 tháng
7	Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa Y học cổ truyền.	0,5 tháng

		<p>- Điều trị và chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền: Điện châm và xoa bóp bấm huyết điều trị đau vai gáy, liệt nửa người do tai biến mạch máu não, châm cứu, điều trị thiếu năng tuần hoàn não bằng y học cổ truyền; điều trị thoái hóa cột sống bằng phương pháp y học cổ truyền; điều trị viêm quanh khớp vai bằng y học cổ truyền.</p> <p>- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	
8	Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt	<p>Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt</p> <p>- Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: viêm tai giữa; viêm mũi dị ứng; viêm mũi xoang; viêm họng; viêm amidan, viêm thanh quản, phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng, phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng, nạo túi lợi, điều trị áp-xe quanh răng cấp, điều trị áp-xe quanh răng mạn, điều trị viêm quanh răng, chích apxe lợi, kỹ thuật lấy cao răng, nhổ răng vĩnh viễn, nhổ răng vĩnh viễn lung lay</p> <p>- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục XIV (Tai mũi Họng) Phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	0,5 tháng
9	Mắt	<p>- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.</p> <p>- Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân; viêm kết mạc; do nhãn áp, đo thị lực, nguyên nhân mờ mắt, nguyên nhân đỏ mắt, bệnh đục thể thủy tinh, bệnh mắt liên quan với bệnh toàn thân, một số bệnh mắt trẻ em, bệnh glôcôm, chấn thương mắt</p>	0,5 tháng

		- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục XIII (Mắt) Phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	
--	--	---	--

**3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ, Điều dưỡng, Kỹ thuật Y (Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng), Hộ sinh, Dinh dưỡng lâm sàng:**

**3.1. Đối tượng đăng ký**

Bệnh viện đa khoa Việt Đức tiếp nhận hướng dẫn đào tạo thực hành với các đối tượng như sau:

- Y sỹ đa khoa có một trong các văn bằng được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

- Điều dưỡng có một trong các văn bằng được quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

- Hộ sinh có một trong các văn bằng được quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

- Kỹ thuật y có một trong các văn bằng được quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

- Dinh dưỡng lâm sàng có một trong các văn bằng được quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023.

**3.2. Thời gian và địa điểm thực hành**

Người thực hành phải thực hành tập trung, toàn thời gian tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng thuộc Bệnh viện đa khoa Việt Đức, cụ thể:

TT	Chức danh	Nội dung thực hành	Thời gian và Địa điểm thực hành
1	Y sỹ đa khoa	Danh mục kỹ thuật trong phụ lục X, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Tổng thời gian thực hành: 09 tháng. Trong đó: - Khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng - Các khoa Lâm sàng: 06 tháng. (1) Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng (2) Khoa Ngoại tổng hợp: 01 tháng (3) Khoa Phụ sản: 01 tháng (4) Khoa Nhi: 01 tháng (5) Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt: 01 tháng

2	Y sỹ YHCT	Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XI, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Tổng thời gian thực hành: 09 tháng. Trong đó: - Khoa Hồi sức cấp cứu: 3 tháng - Khoa YHCT-PHCN: 6 tháng
3	Điều dưỡng	Danh mục kỹ thuật trong mục lục I, II phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng. Trong đó: - Khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Các khoa Lâm sàng: 05 tháng. (1) Khoa Nội tổng hợp: 01 tháng (2) Khoa Ngoại tổng hợp: 01 tháng (3) Khoa Phụ sản: 01 tháng (4) Khoa Nhi: 01 tháng (5) Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt: 01 tháng
4	Hộ sinh	Danh mục kỹ thuật trong mục lục I phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng. Trong đó: - Khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Khoa Phụ sản: 5 tháng
5	Kỹ thuật y (Kỹ thuật xét nghiệm, kỹ thuật hình ảnh y học, kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật phục hình răng, kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa)	Danh mục kỹ thuật trong mục lục I, II, III phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng. Trong đó: - Khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Khoa lâm sàng; Cận lâm sàng (Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng; YHCT-PHCN; Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt): 05 tháng/Khoa/Chức danh.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 5.1. Trung tâm Quản lý chất lượng - Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế

- Lập kế hoạch, trình Ban Giám đốc phân công người hướng dẫn thực hành cho người thực hành theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.
- Phối hợp cùng phòng Pháp chế - Nhân sự - Hành chính ban hành Quyết định phân công cá nhân hướng dẫn đào tạo. Trường hợp khoa có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một người thực hành thì phải có kế hoạch phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể bằng văn bản theo từng chuyên khoa trình Ban Giám đốc.
- Hoàn thiện hồ sơ, hướng dẫn cho các đối tượng thực hành.
- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.
- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ chương trình đào tạo theo kế hoạch hoạt động hàng quý, hàng năm.
- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

### 5.2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Phòng Kế hoạch tổng hợp chủ trì, phối hợp cùng Trung tâm Quản lý chất lượng - Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo thực hành lâm sàng trình Ban Giám đốc Bệnh viện phê duyệt.
- Phối hợp các Trưởng/phó khoa liên quan xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể cho khoá đào tạo, xây dựng nội dung thực hành cụ thể đối với từng chức danh chuyên môn mà Bệnh viện dự kiến tổ chức hướng dẫn thực hành.
- Phối hợp với các Trưởng khoa/Trung tâm đề xuất việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Ban Giám đốc phê duyệt.
- Thường xuyên cập nhật danh sách người đăng ký hành nghề, người đủ điều kiện hướng dẫn thực hành trên các trang thông tin của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ, Bộ Y tế theo quy định.
- Hoàn thiện bản công bố Bệnh viện đa khoa Việt Đức đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành thực hiện theo Mẫu 01 Phụ lục I, Nghị định 96/2023/NĐ-CP và nội dung thực hành cụ thể về Bộ Y tế để đăng tải thông tin của Bệnh viện trên cổng thông tin điện tử trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.
- Làm thủ tục, hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền cho học viên đáp ứng đủ điều kiện để cấp giấy hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

### **5.3. Phòng Pháp chế - Nhân sự - Hành chính**

- Phối hợp cùng Trung tâm Quản lý chất lượng - Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế tiếp nhận và lưu hồ sơ nhân sự của học viên.

- Tổ chức ký Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với học viên trước khi học viên tham gia thực hành.

- Phổ biến đầy đủ nội quy, quy định, quy chế của Công ty/ Bệnh viện cho học viên biết và hiểu rõ.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc chấp hành nội quy, quy định, quy chế của học viên.

### **5.4. Phòng Tài chính kế toán**

- Lập dự toán tính chi phí thực hành theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí để hướng dẫn thực hành trên cơ sở lấy thu bù chi.

- Phối hợp cùng phòng Pháp chế - Nhân sự - Hành chính thực hiện thu khoản chi phí hướng dẫn thực hành ngay sau khi học viên được ký Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa Việt Đức.

### **5.5. Lãnh đạo các Khoa lâm sàng và cận lâm sàng**

- Hướng dẫn nội quy của khoa vào ngày đầu tiên học viên đến thực hành nghề để cấp giấy phép hành nghề tại khoa;

- Phân công Bác sĩ hướng dẫn thực hành cho học viên theo quyết định của bệnh viện;

- Phân trực cho học viên: Theo lịch trực của bác sĩ được phân công hướng dẫn thực hành;

- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành;

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho các học viên thực hành hành nghề để cấp giấy phép hành nghề theo nội dung Bệnh viện đã ban hành;

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành;

### **5.6. Người hướng dẫn thực hành**

- Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 36 tháng trở lên;

- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

- Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm;

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực

hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm;

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của bệnh viện;

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình. Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành

#### **5.7. Nhiệm vụ của học viên (người tham gia thực hành)**

- Tuân thủ nội quy, quy định nội bộ, quy chế chuyên môn của Bệnh viện và khoa thực hành.

- Chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với Bệnh viện đa khoa Việt Đức.

- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật.

- Hoàn thành các chỉ tiêu thực hành, viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, có xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.





## Phụ lục 01

### ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 91/ĐT-BVVD ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Việt đức)

STT	Chức danh	Tổng thời gian thực hành	Khoa thực hành và thời gian thực hành
1	Bác sỹ	12 Tháng	- Khoa HSCC: 03 tháng - Các khoa Lâm sàng: 9 tháng. + Khoa Nội TH: 02 tháng + Khoa Ngoại TH: 02 tháng + Khoa Phụ sản: 02 tháng + Khoa Nhi: 02 tháng + Khoa Liên chuyên khoa: 01 tháng
2	Y sỹ đa khoa	09 Tháng	- Khoa HSCC: 3 tháng - Các khoa Lâm sàng: 6 tháng. + Khoa Nội TH: 2 tháng + Khoa Ngoại TH: 01 tháng + Khoa Phụ sản: 01 tháng + Khoa Nhi: 01 tháng + Khoa Liên chuyên khoa: 01 tháng
3	Y sỹ YHCT	09 Tháng	- Khoa HSCC: 3 tháng - Khoa YHCT-PHCN: 6 tháng
4	Điều dưỡng	06 Tháng	- Khoa HSCC: 01 tháng - Các khoa Lâm sàng: 5 tháng. + Khoa Nội TH: 01 tháng + Khoa Ngoại TH: 01 tháng + Khoa Phụ sản: 01 tháng + Khoa Nhi: 01 tháng + Khoa Liên chuyên khoa: 01 tháng
5	Hộ sinh	06 Tháng	- Khoa HSCC: 01 tháng - Khoa Phụ sản: 05 tháng



6	Kỹ thuật Y (Kỹ thuật hình ảnh Y học; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Kỹ thuật viên hình ảnh Y học; Kỹ thuật viên PHCN; Kỹ thuật phục hình răng; Kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa)	06 Tháng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa HSCC: 01 tháng</li> <li>- Khoa lâm sàng; Cận lâm sàng (Khoa Xét nghiệm &amp; Giải phẫu bệnh; Khoa Chẩn đoán hình ảnh &amp; Thăm dò chức năng; Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng; Khoa Liên chuyên khoa): 05 tháng/Khoa/Chức danh.</li> <li>* KTV Xét nghiệm: Khoa Xét nghiệm &amp; Giải phẫu bệnh.</li> <li>* KTV hình ảnh Y học: Khoa Chẩn đoán hình ảnh &amp; Thăm dò chức năng.</li> <li>* KTV Phục hồi chức năng: Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.</li> <li>* KTV Phục hình Răng: Khoa Liên chuyên khoa.</li> <li>* KTV Khúc xạ nhãn khoa: Khoa Liên chuyên khoa.</li> </ul>
---	--	----------	--



Phụ lục 02

**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**  
(Kèm theo Bản công bố số: 91/ĐT-BVVD ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Việt Đức)

STT	Khoa LS; CLS	Trình độ đào tạo	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
<b>I. BÁC SĨ</b>								
<b>Khoa Hồi sức cấp cứu</b>								
1	Nguyễn Ngọc Thái	BSCCKII	Bác sỹ	001090/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Thạc sỹ	Bác sỹ	0005417/PT-CCHN	28/02/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
3	Đỗ Huy Hùng	BSCCKII	Bác sỹ	000351/PT-CCHN	09/12/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
<b>Khoa Nội Tổng hợp</b>								
4	Nguyễn Thị Lệ Hằng	BSCCKI	Bác sỹ	002080/PT-CCHN	17/12/2013	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
5	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	Thạc sỹ	Bác sỹ	0006314/PT-CCHN	08/10/2020	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
6	Trần Đình Hợp	Thạc sỹ	Bác sỹ	000906/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
7	Nguyễn Thị Hoài	BSCCKI	Bác sỹ	0001017/TQ-CCHN	12/04/2013	Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
8	Trần Bá Tuệ	Bác sỹ	Bác sỹ	0005790/PT-CCHN	09/12/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
<b>Khoa Thận - Lọc máu</b>								
9	Nguyễn Trường Giang	BSCCKII	Bác sỹ	000691/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội nhi	
10	Trần Thị Hậu	Bác sỹ	Bác sỹ	003759/TQ-CCHN	12/10/2020	Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa truyền nhiễm	
<b>Khoa Ngoại tổng hợp</b>								
11	Hoàng Công Lâm	Tiến sỹ	Bác sỹ	000006-PT-CCHN	28/3/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
12	Nguyễn Văn Thư	Thạc sỹ	Bác sỹ	000768/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
13	Nguyễn Duy Khánh	Bác sỹ	Bác sỹ	003600/TQ-CCHN	15/6/2020	Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ngoại - Chấn thương chỉnh hình	
14	Hoàng Văn Thu	BSCCKI	Bác sỹ	0004556/PT-CCHN	30/11/2017	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
15	Nguyễn Thành Trung	Thạc sỹ	Bác sỹ	0005044/PT-CCHN	06/01/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
16	Nguyễn Đình Quế	BSCCKI	Bác sỹ	0002950/PT-CCHN	28/7/2015	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	



STT	Khoa LS; CLS	Trình độ đào tạo	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
17	Phạm Thanh Nam	Bác sỹ	Bác sỹ	003311/TQ-CCHN	07/09/2019	Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.	
18	Lã Quang Thịnh	Bác sỹ Nội trú	Bác sỹ	0002688/PT-CCHN	28/7/2015	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa chuyên khoa Ngoại	
19	Nguyễn Đức Thương	BSCKI	Bác sỹ	0005885/PT-CCHN	11/06/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
	<b>Khoa Phụ sản</b>							
20	Hà Huy Thực	BSCKI	Bác sỹ	0002940/PT-CCHN	28/7/2015	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Chuyên khoa Phụ sản	
21	Đình Minh Tùng	BSCKI	Bác sỹ	005117/PT-CCHN	28/10/2016	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	
22	Ngô Nhật Minh	Bác sỹ	Bác sỹ	0005588/PT-CCHN	31/5/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Phụ sản	
23	Hoàng Văn Sơn	Bác sỹ	Bác sỹ	0005897/PT-CCHN	12/02/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	
24	Giang Tiến Trung	BSCKI	Bác sỹ	001461/PT-CCHN	17/7/2020	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
25	Nguyễn Phương Thảo	BSCKI	Bác sỹ	0004914/PT-CCHN	05/08/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
26	Vũ Thị Thanh Hương	BSCKI	Bác sỹ	000730/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	
	<b>Khoa Nhi</b>							
27	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	PGS. TS	Bác sỹ	000167/BYT-CCHN	22/5/2012	Bộ Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	
28	Nguyễn Danh Tâm	BSCKI	Bác sỹ	0004489/PT-CCHN	30/10/2017	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	
29	Phạm Thị Long	BSCKI	Bác sỹ	0005296/PT-CCHN	20/11/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	
30	Lê Thị Quỳnh	BSCKI	Bác sỹ	003601/HAG-CCHN	15/7/2016	Sở Y tế tỉnh Hà Giang	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
31	Vũ Đức Nguyên	Bác sỹ	Bác sỹ	0004883/PT-CCHN	04/12/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	
	<b>Khoa YHCT-PHCN</b>							
32	Phan Sỹ Liên	Bác sỹ	Bác sỹ	0006508/PT-CCHN	04/12/2021	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
33	Nguyễn Thị Thái	BSCKI	Bác sỹ	0002939/PT-CCHN	23/6/2020	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng.	
34	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Bác sỹ	Bác sỹ	0005745/PT-CCHN	26/8/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa YHCT	

STT	Khoa LS; CLS	Trình độ đào tạo	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
<b>Khoa CDHA - TDCN</b>								
35	Nguyễn Hoài Ánh	BSCKI	Bác sỹ	0004910/PT-CCHN	02/08/2021	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
36	Nguyễn Thị Hạnh	Bác sỹ	Bác sỹ	0005390/PT-CCHN	28/2/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
37	Cao Việt Hải	BSCKI	Bác sỹ	0005367/PT-CCHN	28/2/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
38	Phan Thị Giang	Bác sỹ	Bác sỹ	0005449/PT-CCHN	04/10/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	
39	Nguyễn Thị Thu Sen	Bác sỹ	Bác sỹ	0005765/PT-CCHN	09/12/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
<b>Khoa Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt</b>								
40	Phạm Thị Hồng Dương	Thạc sỹ	Bác sỹ	018121/HNO-CCHN	01/06/2016	Sở Y tế TP. Hà Nội	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	
41	Hoàng Quang Trọng	BSCKI	Bác sỹ	003389/TQ-CCHN	06/04/2019	Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	
42	Nguyễn Thị Minh Lý	Bác sỹ	Bác sỹ	029990/HNO-CCHN	01/06/2020	Sở Y tế TP. Hà Nội	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt.	
43	Nguyễn Hồng Hạnh	Bác sỹ	Bác sỹ	0004940/PT-CCHN	05/08/2018	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	
<b>Khoa Xét nghiệm - Giải phẫu bệnh</b>								
44	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	BSCKI	Bác sỹ	000008/PT-CCHN	28/3/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám chữa bệnh chuyên ngành Huyết học - Truyền máu	
45	Nguyễn Thị Mai	BSCKI	Bác sỹ	0004479/PT-CCHN	30/10/2017	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh	
<b>Khoa Gây mê hồi sức</b>								
46	Nguyễn Thu Hiền	BSCKI	Bác sỹ	0002722/PT-CCHN	28/7/2015	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	
47	Bùi Chí Linh	Thạc sỹ	Bác sỹ	0005325/PT-CCHN	01/05/2019	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	
<b>II. ĐIỀU DƯỠNG, KTV, HỘ SINH</b>								
<b>Khoa HSCC</b>								
1	Nguyễn Thị Phương Linh	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng	0002410/PT-CCHN	20/10/2015	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	

1824884

 HI NHÃNH  
 GTYCỔP  
 OA VIỆT E  
 VIỆN ĐÀ KI  
 ẾT ĐỨC

TRI-T. PH

STT	Khoa LS; CLS	Trình độ đào tạo	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
2	Nguyễn Hữu Giáp	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng	0005161/PT-CCHN	20/07/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.	
<b>Khoa Nội Tổng hợp</b>								
3	Đình Hà My	Y sỹ	Y sỹ	003720/VP-CCHN	31/12/2015	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ.	
4	Vương Bảo Kim	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng	001026/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	
5	Nguyễn Thị Hải Yến	Y sỹ	Điều dưỡng	001945/PT-CCHN	11/03/2014	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ		
<b>Khoa Thận - Lọc máu</b>								
6	Trần Thị Mai	Điều dưỡng DH	Điều dưỡng	004338/VP-CCHN	19/09/2017	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	
<b>Khoa Ngoại tổng hợp</b>								
7	Lê Nguyễn Mộng Vân	Điều dưỡng CD	Điều dưỡng	029767/HNO-CCHN	17/04/2020	Sở Y tế TP. Hà Nội	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT0BNV-BYT ngày 07/10/2015	
<b>Khoa Phụ sản</b>								
8	Nguyễn Thị Vinh	Hộ sinh CD	Hộ sinh	000519/PT-CCHN	19/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	

STT	Khoa LS; CLS	Trình độ đào tạo	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
9	Đào Thị Thanh Thanh	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng	0006522/PT-CCHN	05/05/2021	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.	
<b>Khoa Nhi</b>								
10	Nguyễn Thị Thu Phương	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	0002701/PT-CCHN	06/05/2017	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
11	Lê Thị Ngọc Quỳnh	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	032395/HNO-CCHN	04/05/2021	Sở Y tế TP. Hà Nội	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015	
<b>Khoa YHCT-PHCN</b>								
12	Chu Thúy Quỳnh	KTV CĐ	Kỹ thuật viên	005732/VP-CCHN	23/3/2021	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	
<b>Khoa Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt</b>								
13	Đỗ Thị Thanh Loan	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng	0009548/BYT-CCHN	22/11/2013	Bộ Y tế	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	
14	Lê Văn Thúy	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng	001291/PT-CCHN	15/06/2017	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	
<b>Khoa CDHA - TDCN</b>								
15	Nguyễn Hùng Tiến	Điều dưỡng CĐ	Kỹ thuật viên	004973/PT-CCHN	09/12/2016	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	
16	Lương Đức Nhân	Điều dưỡng ĐH	Kỹ thuật viên	001389/VP-CCHN	15/8/2016	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	
17	Nguyễn Thanh Tùng	Điều dưỡng ĐH	Kỹ thuật viên	0007166/QNI-CCHN	31/10/2019	Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	
18	Trần Văn Tuấn	Điều dưỡng CĐ	Kỹ thuật viên	028700/HNO-CCHN	31/10/2019	Sở Y tế TP. Hà Nội	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	



STT	Khoa LS; CLS	Trình độ đào tạo	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
	<b>Khoa Xét nghiệm - Giải phẫu bệnh</b>							
19	Đỗ Thị Thu Hương	Cử nhân Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	0003055/PT-CCHN	28/12/2015	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	
20	Nguyễn Thị Lương	Cử nhân Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	0005186/PT-CCHN	09/05/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Chuyên khoa xét nghiệm	
21	Đỗ Thị Minh Hằng	Cử nhân Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	0005185/PT-CCHN	09/05/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Chuyên khoa Xét nghiệm	
22	Nguyễn Văn Hùng	Cử nhân Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	0006318/PT-CCHN	08/10/2020	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Kỹ thuật viên Xét nghiệm y học	
23	Nguyễn Văn Hòa	Thạc sĩ Công nghệ sinh học	Kỹ thuật viên	0002823/PT-CCHN	25/9/2018	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Chuyên khoa Xét nghiệm	
24	Huỳnh Thị Lan	Cao đẳng Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	031506/HNO-CCHN	30/11/2020	Sở Y tế TP. Hà Nội	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	
25	Đỗ Thị Hậu	Cử nhân Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	003212/TQ-CCHN	12/01/2018	Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang	Kỹ thuật viên xét nghiệm	
26	Nguyễn Thị Hoài Thương	Cử nhân Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	0016307/HNO-CCHN	20/4/2015	Sở Y tế TP. Hà Nội	Kỹ thuật viên xét nghiệm	
	<b>Khoa Gây mê hồi sức</b>							
27	Nguyễn Văn Bổng	Điều dưỡng CD	Kỹ thuật viên	000975/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện kỹ thuật chuyên khoa Gây mê hồi sức	
28	Lê Thị Hương	Điều dưỡng CD	Kỹ thuật viên	000954/PT-CCHN	15/11/2012	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	
29	Vũ Văn Kiên	Điều dưỡng CD	Kỹ thuật viên	001669/PT-CCHN	07/10/2013	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	



### Phụ lục 03

## SỐ LƯỢNG NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH VÀ CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 91/ĐT-BVVĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024  
của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Việt Đức)

STT	Tên chương trình học	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành	Chi phí hướng dẫn thực hành
1	Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng chức danh: Bác sỹ	100	6.000.000 đ/khóa/ người
2	Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng chức danh: Y sỹ	100	4.500.000 đ/khóa/ người
3	Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng chức danh: Điều dưỡng	100	3.000.000 đ/khóa/ người
4	Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng chức danh: Hộ sinh	100	3.000.000 đ/khóa/ người
5	Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng chức danh: Kỹ thuật viên y	100	3.000.000 đ/khóa/ người



**Phụ lục 04****DANH MỤC****TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÂM SÀNG CÁC KHOA  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT ĐỨC**

(Kèm theo Bản công bố số: 91/ĐT-BVVD ngày 24 tháng 6 năm 2024  
của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Việt đức)

**1. DANH MỤC KHOA HSCC**

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )	
BÀI 02	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ	
BÀI 03	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ	
BÀI 04	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế	
BÀI 05	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CÓ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH	
BÀI 06	CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ SUY HÔ HẤP CẤP	
BÀI 07	SỐC GIẢM THỂ TÍCH MÁU	



<b>BÀI 08</b>	<b>SỐC TIM</b>	
<b>BÀI 09</b>	<b>SỐC NHIỄM KHUẨN</b>	
<b>BÀI 10</b>	<b>SUY GAN CẤP</b>	
<b>BÀI 11</b>	<b>VIÊM TỤY CẤP NẶNG</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>SUY THẬN CẤP</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>TĂNG ÁP LỰC NỘI SỌ</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>HÔN MÊ TĂNG ÁP LỰC THẨM THÁU DO ĐÁI THÁO ĐƯỜNG</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>RỐI LOẠN NƯỚC VÀ ĐIỆN GIẢI</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>CÁC RỐI LOẠN THĂNG BẰNG KIỂM TOAN</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CẤP CỨU NGỪNG TUẦN HOÀN CƠ BẢN</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỌC HÚT DỊCH, KHÍ MÀNG PHỔI CẤP CỨU</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM DƯỚI SIÊU ÂM</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	

<b>BÀI 22</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRUYỀN MÁU</b>	
<b>BÀI 24</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 25</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NỮ</b>	
<b>BÀI 26</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG DẪN LƯU</b>	
<b>BÀI 27</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 28</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG SẠCH</b>	
<b>BÀI 29</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 30</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH ĂN BẰNG ĐƯỜNG MIỆNG</b>	
<b>BÀI 31</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỞ MÁY</b>	
<b>BÀI 32</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TÍNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	

## 2. DANH MỤC KHOA NỘI TH

STT	Tên bài	Ghi chú
<b>BÀI 01</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b> <b>( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
<b>BÀI 02</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
<b>BÀI 03</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
<b>BÀI 04</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH</b> <b>Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
<b>BÀI 05</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
<b>BÀI 6</b>	<b>VIÊM PHỔI BỆNH VIỆN</b>	

<b>BÀI 7</b>	<b>CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ ĐỢT CẤP COPD</b>	
<b>BÀI 8</b>	<b>SUY TIM</b>	
<b>BÀI 9</b>	<b>TĂNG HUYẾT ÁP</b>	
<b>BÀI 10</b>	<b>XUẤT HUYẾT TIÊU HOÁ DO LOÉT DẠ DÀY, TÁ TRÀNG</b>	
<b>BÀI 11</b>	<b>XƠ GAN</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>NHIỄM KHUẨN ĐƯỜNG TIỂU</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>GÚT</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>ĐÁI THÁO ĐƯỜNG</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>HỘI CHỨNG THẬN HƯ</b>	

<b>BÀI 16</b>	<b>CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ THAY THẾ BỆNH THẬN GIAI ĐOẠN CUỐI</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRUYỀN MÁU</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NỮ</b>	
<b>BÀI 22</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG DẪN LƯU</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 24</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG SẠCH</b>	

<b>BÀI 25</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 26</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH ĂN BẰNG ĐƯỜNG MIỆNG</b>	
<b>BÀI 27</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỞ MÁY</b>	
<b>BÀI 28</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TĨNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	

## 3. DANH MỤC KHOA NHI

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
BÀI 02	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
BÀI 03	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
BÀI 04	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
BÀI 05	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CÓ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
BÀI 06	<b>VIÊM PHỔI CỘNG ĐỒNG</b>	
BÀI 07	<b>TIÊU CHẢY CẤP</b>	
BÀI 08	<b>VIÊM LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG</b>	
BÀI 09	<b>VIÊM TIỂU PHẾ QUẢN PHỔI</b>	
BÀI 10	<b>HEN PHẾ QUẢN</b>	



<b>BÀI 11</b>	<b>BỆNH TAY CHÂN MIỆNG</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>VÀNG DA DO TĂNG BILIRUBIN TỰ DO</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>VIÊM TAI GIỮA</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRUYỀN MÁU</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NỮ</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH ĂN BẰNG ĐƯỜNG MIỆNG</b>	
<b>BÀI 22</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỞ MÁC</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TĨNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	

#### 4. DANH MỤC NGOẠI TH

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
BÀI 02	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
BÀI 03	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
BÀI 04	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
BÀI 05	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CÓ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
BÀI 06	<b>CHẤN THƯƠNG CỘT SỐNG</b>	
BÀI 07	<b>GÃY THÂN HAI XƯƠNG CẰNG CHÂN</b>	
BÀI 08	<b>CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO KÍN</b>	
BÀI 09	<b>GÃY THÂN HAI XƯƠNG CẰNG TAY</b>	
BÀI 10	<b>CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NỘI KHOA SỎI THẬN</b>	

	<b>TIẾT NIỆU</b>	
<b>BÀI 11</b>	<b>TĂNG SINH LÀNH TÍNH TUYẾN TIỀN LIỆT</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>THŨNG Ổ LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>VIÊM RUỘT THỪA CẤP</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>CHẤN THƯƠNG BỤNG KÍN</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRUYỀN MÁU</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NỮ</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG DẪN LƯU</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 22</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THAY BĂNG VÀ RỬA VẾT THƯƠNG SẠCH</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH THỞ OXY</b>	

<b>BÀI 24</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH ĂN BẰNG ĐƯỜNG MIỆNG</b>	
<b>BÀI 25</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỞ MÁY</b>	
<b>BÀI 26</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TĨNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	

### 5. DANH MỤC KHOA PHỤ SẢN

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>  <b>( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
BÀI 02	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
BÀI 03	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
BÀI 04	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH</b>  <b>Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
BÀI 05	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
BÀI 06	<b>CHẨN ĐOÁN NGÔI THỂ, KIỂU THỂ</b>	

<b>BÀI 07</b>	<b>CƠ CHẾ ĐỂ NGÔI CHỖM KIỂU THỂ CHẤM CHẬU TRÁI TRƯỚC</b>	
<b>BÀI 08</b>	<b>TIỀN SẢN GIẬT</b>	
<b>BÀI 09</b>	<b>MỔ LẤY THAI</b>	
<b>BÀI 10</b>	<b>HẬU SẢN THƯỜNG</b>	
<b>BÀI 11</b>	<b>CHỮA NGOÀI TỬ CUNG</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>RAU TIỀN ĐẠO</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>VỠ TỬ CUNG</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>CHẢY MÁU SAU ĐẼ</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>RONG KINH RONG HUYẾT</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>QUY TRÌNH KHÁM THAI 9 BƯỚC</b>	

<b>BÀI 17</b>	<b>KHÁM THAI - ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ THAI NGHÉN</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>ĐỖ ĐẼ THƯỜNG</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>CHĂM SÓC HẬU SẢN THƯỜNG</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>QUI TRÌNH KỸ THUẬT VỆ SINH BỘ PHẬN SINH DỤC NGOÀI SAU ĐẼ</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>QUY TRÌNH CẮT KHÂU TẦNG SINH MÔN</b>	
<b>BÀI 22</b>	<b>QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN CHO CON BÚ ĐÚNG CÁCH</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>QUY TRÌNH TẮM BÉ</b>	
<b>BÀI 24</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÔNG TIỂU NỮ</b>	
<b>BÀI 25</b>	<b>CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SẴY THAI</b>	
<b>BÀI 26</b>	<b>CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHỮA NGOÀI TỬ CUNG</b>	

<b>BÀI 27</b>	<b>LẬP KẾ HOẠCH CHĂM SÓC</b>	
<b>BÀI 28</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	
<b>BÀI 29</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 30</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRUYỀN MÁU</b>	
<b>BÀI 31</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 32</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 33</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỞ MÁU</b>	
<b>BÀI 34</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TĨNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	



## 6. DANH MỤC LIÊN CHUYÊN KHOA

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
BÀI 02	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
BÀI 03	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
BÀI 04	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
BÀI 05	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
BÀI 06	<b>NGUYÊN NHÂN MỜ MẮT</b>	
BÀI 07	<b>NGUYÊN NHÂN ĐỎ MẮT</b>	
BÀI 08	<b>VIÊM KẾT MẠC</b>	
BÀI 09	<b>BỆNH ĐỤC THỂ THỦY TINH</b>	
BÀI 10	<b>BỆNH MẮT LIÊN QUAN VỚI BỆNH TOÀN THÂN</b>	

<b>BÀI 11</b>	<b>MỘT SỐ BỆNH MẮT TRẺ EM</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>BỆNH GLÔCÔM</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>CHẤN THƯƠNG MẮT</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>PHẪU THUẬT CẮT LỢI ĐIỀU TRỊ TÚI QUANH RĂNG</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>PHẪU THUẬT VẶT ĐIỀU TRỊ TÚI QUANH RĂNG</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>NẠO TÚI LỢI</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>ĐIỀU TRỊ ÁP-XE QUANH RĂNG CẤP</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>ĐIỀU TRỊ ÁP-XE QUANH RĂNG MẠN</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>ĐIỀU TRỊ VIÊM QUANH RĂNG</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>CHÍCH APXE LỢI</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>KỸ THUẬT LẤY CAO RĂNG</b>	
<b>BÀI 22</b>	<b>NHỔ RĂNG VĨNH VIỄN</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>NHỔ RĂNG VĨNH VIỄN LUNG LAY</b>	

<b>BÀI 24</b>	<b>PHẪU THUẬT NẠO QUANH CUỐNG RĂNG</b>	
<b>BÀI 25</b>	<b>PHẪU THUẬT CẮT CUỐNG RĂNG</b>	
<b>BÀI 26</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	
<b>BÀI 27</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 28</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 29</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 30</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TĨNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	

## 7. DANH MỤC KHOA YHCT-PHCN

STT	Tên bài	Trang
BÀI 01	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )	
BÀI 02	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ	
BÀI 03	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ	
BÀI 04	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế	
BÀI 05	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH	
BÀI 6	CHÂM CỨU	
BÀI 7	CHỮA THIỂU NĂNG TUẦN HOÀN NÃO BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN	
BÀI 8	ĐIỀU TRỊ THIỂU NĂNG TUẦN HOÀN NÃO BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN	
BÀI 9	ĐIỀU TRỊ THOÁI HOÁ CỘT SỐNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP Y HỌC CỔ TRUYỀN	

<b>BÀI 10</b>	<b>ĐIỀU TRỊ VIÊM QUANH KHỚP VAI BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>	
<b>BÀI 11</b>	<b>ĐIỀU TRỊ LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>CÁC KỸ THUẬT CƠ BẢN TRONG PHCN ÂM NGŨ TRỊ LIỆU</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>PHỤC HỒI CHỨC NĂNG LIỆT NỬA NGƯỜI SAU TAI BIẾN, CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CỔ CHÂN SAU CHẤN THƯƠNG</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>ĐIỀU TRỊ BẰNG DÒNG ĐIỆN XUNG</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>ĐIỀU TRỊ BẰNG LASER CÔNG XUẤT THẤP</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>ĐIỀU TRỊ BẰNG SÓNG XUNG KÍCH (Shockwave Therapy)</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NÓI NGỌNG, NÓI LẶP VÀ THẤT NGÔN</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VẬN ĐỘNG, ĐI LẠI</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ LASER CÔNG SUẤT THẤP NỘI MẠCH</b>	
<b>BÀI 21</b>	<b>QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG</b>	

<b>BÀI 22</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO BỆNH NHÂN THỞ OXY</b>	
<b>BÀI 23</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TIÊM BẮP</b>	
<b>BÀI 24</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT TEST LẤY DA</b>	
<b>BÀI 25</b>	<b>KỸ THUẬT TIÊM TRUYỀN TĨNH MẠCH BẰNG BƠM TIÊM ĐIỆN</b>	

## 8. DANH MỤC KHOA CĐHA-TDCN

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
BÀI 02	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
BÀI 03	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
BÀI 04	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
BÀI 05	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CÓ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
BÀI 06	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG PHỔI THẲNG</b>	
BÀI 07	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG PHỔI NGHIÊNG</b>	
BÀI 08	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG CỘT SỐNG CỔ THẲNG</b>	
BÀI 09	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG CỘT SỐNG CỔ NGHIÊNG</b>	

<b>BÀI 10</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG CỘT SỐNG THẮT LƯNG THẲNG</b>	
<b>BÀI 11</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG CỘT SỐNG THẮT LƯNG NGHIÊNG</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP X-QUANG KHỚP VAI THẲNG</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP CT SỌ NÃO KHÔNG TIÊM THUỐC CẢN QUANG</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP CT LÒNG NGỰC KHÔNG TIÊM THUỐC CẢN QUANG</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT CHỤP CT Ổ BỤNG KHÔNG TIÊM THUỐC CẢN QUANG</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT SIÊU ÂM TUYẾN GIÁP</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT SIÊU ÂM TUYẾN NƯỚC BỌT</b>	
<b>BÀI 18</b>	<b>QUY TRÌNH KỸ THUẬT SIÊU ÂM Ổ BỤNG</b>	
<b>BÀI 19</b>	<b>CHỤP CHT TUYẾN TIỀN LIỆT CÓ TIÊM THUỐC ĐỐI QUANG TỬ</b>	
<b>BÀI 20</b>	<b>CHỤP CHT CỘT SỐNG CỔ KHÔNG TIÊM THUỐC ĐỐI QUANG TỬ</b>	



**9. DANH MỤC KHOA XN-GPB**

STT	Tên bài	Ghi chú
BÀI 01	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ( LUẬT SỐ: 15/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 )</b>	
BÀI 02	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ: 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30/12/2023 CỦA CHÍNH PHỦ</b>	
BÀI 03	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 32/2023/TT-BYT NGÀY 31/12/2023 CỦA BỘ Y TẾ</b>	
BÀI 04	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ: 07/2014/TT-BYT NGÀY 25/02/2014 CỦA BỘ TẾ QUY ĐỊNH Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế</b>	
BÀI 05	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA TRONG CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>	
BÀI 06	<b>QUY TRÌNH LẤY MẪU LÀM XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU</b>	
BÀI 07	<b>CÁCH LẤY VÀ BẢO QUẢN BỆNH PHẨM XÉT NGHIỆM TẾ BÀO</b>	
BÀI 08	<b>ĐỊNH LƯỢNG ACTH MÁU ( Adrenocorticotropic hormon )</b>	
BÀI 09	<b>ĐỊNH LƯỢNG ACID URIC</b>	
BÀI 10	<b>ĐỊNH LƯỢNG ALBUMIN</b>	

<b>BÀI 11</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG BETA HCG (beta human chorionic gonadotropin)</b>	
<b>BÀI 12</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG BILIRUBIN TRỰC TIẾP (BIL. D)</b>	
<b>BÀI 13</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG BILIRUBIN GIÁN TIẾP (BIL. I)</b>	
<b>BÀI 14</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG BILIRUBIN TOÀN PHẦN (BIL. T)</b>	
<b>BÀI 15</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG BNP (BNP: B- Type Natriuretic Peptide)</b>	
<b>BÀI 16</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG CALCI TOÀN PHẦN</b>	
<b>BÀI 17</b>	<b>ĐỊNH LƯỢNG CANXI ION HÓA (Phương pháp tính toán)</b>	